

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 251/2022/HS-PT

Ngày: 16-8-2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Khắc Thịnh

Các Thẩm phán: Ông Lê Hồng Nước

Ông Phạm Minh Tùng

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Văn Nhứt Minh - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:

Ông Nguyễn Văn Liệt - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp mở phiên tòa xét xử công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 191/2022/TLPT-HS ngày 11 tháng 7 năm 2022 đối với bị cáo Bùi Thanh T. Do có kháng cáo của bị cáo Bùi Thanh T đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 28/2022/HS-ST ngày 24 tháng 5 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện C.

- Bị cáo có kháng cáo: **Bùi Thanh T**, sinh năm 1989; tại tỉnh Đồng Tháp; Giới tính: Nam; Nơi cư trú: ấp X, xã Bình Hàng T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: chăn nuôi; Trình độ học vấn: 11/12; Con ông: Bùi Ngọc B, sinh năm: 1954; Con bà: Lê Kim D, sinh năm: 1954; Vợ tên: Võ Thị Cẩm T1, sinh năm: 1998; Có 02 con, con lớn sinh năm 2015, con nhỏ sinh năm 2019; Bị cáo là con 1 trong gia đình; Tiền án; Tiền sự: Không; Tạm giữ, Tạm giam: Không; Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú (bị cáo có mặt tại phiên tòa).

Trong vụ án còn có bị cáo Võ Đăng K và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không kháng cáo, Viện kiểm sát không kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bùi Thanh T, Đỗ Văn C, Nguyễn Quốc N, Châu Huỳnh L là bạn bè chơi chung và cùng nghiện ma túy. Vào khoảng 16 giờ ngày 20/6/2021, C, N, L đến trại nuôi gà của T, ngụ ấp X, xã Bình Hàng T, huyện C để sử dụng ma túy. Đến khoảng 17 giờ cùng ngày, T dùng điện thoại di động hiệu Nokia 1100 có số sim 0939514XXX gọi vào số di động

0983000XXX, 0387581XXX của Võ Đăng K kêu K bán một bịch ma túy với số tiền 1.400.000 đồng thì K đồng ý. Đến khoảng 18 giờ, K điều khiển xe mô tô loại Exiter biển số 6XE1-370.XX đến trại gà của T (Xe này do ông Võ Phi T2 cha ruột của K mua lại của người khác chưa sang tên cho K mượn đi lại), K lấy ra 01 bịch nylon màu trắng dạng nắp kẹp có đường viền màu xanh bên trong có chứa ma túy đưa cho T, T đưa cho K số tiền 1.400.000 đồng gồm các mệnh giá 01 tờ 500.000 đồng, 02 tờ 200.000 đồng; 03 tờ 100.000 đồng; 04 tờ 50.000 đồng, K cất tiền vào túi quần phía sau, T chiết ma túy ra một phần đổ vào chai nhựa màu xanh (nỏ) rồi cùng với C, N, L sử dụng, số ma túy còn lại T đổ vào ống kim loại có hình trụ tròn cất giấu vào người để dành sử dụng. Đến khoảng 20 giờ cùng ngày, nhận được tin báo tố giác của người dân, lực lượng Công an huyện C kết hợp với Công an xã Bình Hàng T, huyện C kiểm tra trại gà của T phát hiện bắt quả tang C, N, L, K đang có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy trong căn trại của T, còn T bỏ chạy ra ngoài ném bỏ ống kim loại dạng hình trụ tròn có nắp đậy (dạng nắp bật) bên trong có bịch ma túy vừa mua của K trên lối đi thì bị Công an bắt giữ. Tang vật thu giữ 01 ống kim loại hình trụ tròn có nắp bên trong có 1 bịch nylon dạng nắp kẹp viền màu xanh bên trong có chứa nhiều hạt tinh thể rắn màu trắng nghi là ma túy, 03 đoạn ống hút rỗng, 03 bịch nylon rỗng, 01 chai nhựa màu xanh (nỏ) dùng để hút ma túy; 01 quẹt ga màu đỏ. Tất cả được niêm phong để trưng cầu giám định theo quy định pháp luật.

Kiểm tra thu giữ trong túi quần sau bên trái của Võ Đăng K số tiền 1.400.000 đồng (gồm các tờ tiền mệnh giá 01 tờ 500.000 đồng, 02 tờ 200.000 đồng; 03 tờ 100.000 đồng; 04 tờ 50.000 đồng), túi quần sau bên phải 01 cái bóp bên trong có 01 giấy chứng minh tên Võ Đăng K và giấy đăng ký xe mô tô, xe máy số 030470, biển số 6XE1-370.XX mang tên Trần Thanh H ngụ ấp H, xã T, huyện G, tỉnh Kiên Giang cùng với số tiền 3.100.000 đồng (gồm 04 tờ 500.000 đồng, 04 tờ 200.000 đồng, 02 tờ 100.000 đồng; 01 tờ 50.000 đồng, 01 tờ 20.000 đồng; 03 tờ 10.000 đồng), túi quần phía trước bên trái thu 01 điện thoại Nokia 5310; túi quần bên phải 01 điện thoại di động cảm ứng hiệu Vivo.

Thu giữ trên người T số tiền 220.000 đồng (gồm các mệnh giá 04 tờ 50.000 đồng; 01 tờ 20.000 đồng), 01 điện thoại Nokia 1100 cùng sim 0939514XXX, 01 điện thoại di động cảm ứng hiệu Iphone 6 màu vàng trắng.

Đối với các vật chứng thu giữ như: 01 giấy chứng minh tên Võ Đăng K được chứng minh không liên quan đến vụ án nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C đã ra quyết định trả lại cho K xong.

Tại bản kết luận giám định số 638/KL-KTHS ngày 23/6/2021 của phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đồng Tháp kết luận mẫu cần giám định:

Tinh thể rắn chứa trong túi nhựa dạng nắp kẹp một đầu kẹp kín, được niêm phong trong bì thư ghi ký hiệu 02 được dán giấy niêm phong còn nguyên vẹn, có đóng hình dấu tròn màu đỏ của “Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C” và các chữ ký ghi họ tên: Trương Phước T3, Bùi Thanh T, Võ Đăng K, Lê Hồng T4 được gửi giám định là chất ma túy, có khối lượng 2,026gam, loại Methamphetamine (số thứ tự 323 thuộc Danh mục II, Nghị định số 73 ngày 15/5/2018 của Chính phủ).

Kết quả xác định tình trạng nghiệm ma túy của T, N, C, L, K tất cả đều dương tính với chất Methamphetamine.

Quá trình điều tra, truy tố bị cáo Bùi Thanh T khai nhận đã sử dụng số tiền 1.400.000 đồng, trong đó C hùn 500.000 đồng để mua ma túy của K. Bị cáo K không thừa nhận hành vi bán ma túy cho T. Tuy nhiên, căn cứ vào các tài liệu được thu thập trong quá trình điều tra như lời khai của bị cáo T, người làm chứng, vật chứng thu giữ tại hiện trường có đủ căn cứ kết luận hành vi phạm tội của K như nội dung trên. Riêng C không thừa nhận hành vi hùn tiền với T để mua ma túy ngoài ra không còn chứng cứ nào khác để chứng minh hành vi phạm tội của C nên chưa có đủ căn cứ vững chắc để xử lý C với vai trò đồng phạm trong vụ án.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số: 28/2022/HS-ST ngày 24 tháng 5 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện C đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Bùi Thanh T phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” và tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”.

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm b, khoản 2, Điều 255; điểm s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 38, 55 của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Bùi Thanh T 02 (hai) năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” và 08 (tám) năm tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”. Tổng hợp hình phạt chung cho cả hai tội buộc bị cáo phải chấp hành là 10 (mười) tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành hình phạt.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên phạt bị cáo Võ Đăng K 03 năm 06 tháng tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”; tuyên về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 06 tháng 6 năm 2022, bị cáo Bùi Thanh T có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu quan điểm: Hành vi của bị cáo Bùi Thanh T bị Tòa án cấp sơ thẩm quy kết về các tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” và “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1 Điều 249 và điểm b khoản 2 Điều 255 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội. Sau khi án sơ thẩm tuyên, bị cáo T kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, có cung cấp xác nhận của chính quyền địa phương về hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn, bị cáo là lao động chính để nuôi cha mẹ già và hai con nhỏ. Tuy nhiên, xét tổng mức hình phạt của hai tội là 10 năm tù mà án sơ thẩm đã áp dụng đối với bị cáo là phù hợp với tính chất, mức độ do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Bùi Thanh T. Giữ nguyên phần quyết định của bản án sơ thẩm về phần hình phạt đối với bị cáo.

Bị cáo Bùi Thanh T không tranh luận. Nói lời sau cùng, bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa bị cáo Bùi Thanh T đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Do nghiện ma túy nên vào ngày 20/6/2021, Bùi Thanh T đã mua của Võ Đăng K một bịch

ma túy có khối lượng 2,026 gam loại Methamphetamine với số tiền 1.400.000 đồng để sử dụng. Sau khi mua được ma túy của K, T chiết ma túy ra một phần để vào chai nhựa màu xanh (nỏ) rồi cùng với C, N, L sử dụng. Số ma túy còn lại T để vào ống kim loại có hình trụ tròn cất giấu vào người để dành sử dụng. Đến khoảng 20 giờ cùng ngày, lực lượng Công an huyện C kết hợp với Công an xã Bình Hàng T, huyện C kiểm tra trại gà của T phát hiện bắt quả tang C, N, L, K đang có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy trong căn trại của T, còn T bỏ chạy ra ngoài ném bỏ ống kim loại dạng hình trụ tròn có nắp đậy, bên trong có bịch ma túy vừa mua của K trên lối đi thì bị Công an bắt giữ cùng tang vật. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, phù hợp với kết luận giám định, vật chứng và các chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án, đã có đủ căn cứ xác định hành vi của bị cáo Bùi Thanh T đã cấu thành tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” và “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1 Điều 249 và điểm b khoản 2 Điều 255 Bộ luật hình sự.

[2] Hội đồng xét xử xét thấy, hành vi của bị cáo Bùi Thanh T là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về các chất ma túy. Hành vi của bị cáo là nguyên nhân dẫn đến các loại tội phạm khác như: Trộm cắp, cướp giật, ... làm gia tăng tệ nạn nghiện ngập ma túy trong xã hội, làm ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương. Bị cáo phạm tội với lỗi cố ý, động cơ mục đích phạm tội là để tư lợi cá nhân, nhằm thỏa mãn cơn nghiện.

[3] Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo Bùi Thanh T về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” và tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1 Điều 249; điểm b khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội. Sau khi án sơ thẩm tuyên, bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và cung cấp xác nhận của chính quyền địa phương về hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn, bị cáo là lao động chính để nuôi cha mẹ già và hai con nhỏ. Xét mức hình phạt mà án sơ thẩm đã tuyên đối với bị cáo về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” là hoàn toàn phù hợp với tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội do bị cáo gây ra và đã cân nhắc, xem xét về nhân thân cũng như các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ đối với bị cáo. Đối với tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”, trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo T không thừa nhận. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo đã thành khẩn khai báo, thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội, thể hiện sự ăn năn hối cải. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị cáo, sửa phần quyết định của bản án sơ thẩm về phần hình phạt đối với bị cáo Bùi Thanh T.

[4] Xét đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa đối với bị cáo Bùi Thanh T về tội danh, điều khoản của tội danh đối với bị cáo là có căn cứ và phù hợp pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Do kháng cáo của bị cáo Bùi Thanh T được chấp nhận nên bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các phần khác của quyết định bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355; điểm c khoản 1 Điều 357 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Bùi Thanh T. Sửa phần quyết định của bản án hình sự sơ thẩm về phần hình phạt đối với bị cáo Bùi Thanh T.

2. Tuyên bố bị cáo Bùi Thanh T phạm các tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” và tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”.

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Bùi Thanh T 02 (hai) năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Bùi Thanh T 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”.

Căn cứ điểm d khoản 1 Điều 55 Bộ luật Hình sự;

Tổng hợp hình phạt chung cho cả hai tội, buộc bị cáo Bùi Thanh T phải chấp hành là 09 (chín) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành hình phạt.

3. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Bị cáo Bùi Thanh T không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các phần khác của quyết định bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDTC (Vụ GDKT 1);
- VKSND Tỉnh;
- Ban nội chính Tỉnh ủy;
- Sở Tư pháp Tỉnh;
- Trại tạm giam CAT;
- TAND huyện C (03 bản);
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Cơ quan CSĐT CA huyện C;
- Cơ quan THAHS CA huyện C;
- Cơ quan THAHS Công an Tỉnh;
- Phòng hồ sơ nghiệp vụ Công an Tỉnh;
- Phòng KTNV-THA Tòa án Tỉnh;
- Bị cáo;
- Lưu VT, HSVA, (M).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(đã ký)
Lê Khắc Thịnh**

